

TƯƠNG ĐỒNG VÀ DI BIỆT TRONG NGHI LỄ VÀ TRÒ CHƠI KÉO CO Ở HÀN QUỐC, PHILIPPIN VÀ CAMPUCHIA

TS. ĐỖ THỊ THANH THỦY*

Kéo co là một thực hành có tính phổ quát của nhân loại trên toàn cầu. Theo các nhà nghiên cứu, kéo co đã và đang tồn tại ở nhiều châu lục như: châu Mỹ, châu Phi, châu Âu, châu Á và châu Đại dương. Thậm chí, người Itelmen sống ở bán đảo Kamchatka (điểm cực Đông của nước Nga) và người Inuit (hay còn gọi là Eskimo) tại Bắc cực cũng có thực hành kéo co¹. Tuy nhiên, nếu như kéo co ở nhiều nước chỉ là những cuộc thi về thể chất và sức mạnh, thì đối với các cộng đồng ở châu Á, điểm độc đáo là kéo co được tiến hành như một mong ước cho mùa màng bội thu, cho sự phồn thịnh và cố kết của cộng đồng, cũng như để ghi nhớ và ôn lại các ký ức lịch sử, văn hóa. Theo thống kê ban đầu, các cộng đồng thực hành kéo co tập trung nhiều nhất ở khu vực châu Á, phổ biến ở các nước: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Philippin, Malaysia, Indonesia. Ngày 02 tháng 12 năm 2015, tại phiên họp của Ủy ban Liên chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 10 của UNESCO diễn ra tại thành phố Winhock, Cộng hòa Namibia, Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc và Philippin đã chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Trong khuôn

khố bài viết này, một số đặc trưng khái quát về kéo co và kéo co ở ba nước: Hàn Quốc, Campuchia và Philippin sẽ được phân tích². Từ đó, bài viết góp phần tìm hiểu thêm về sự thống nhất trong đa dạng của thực hành kéo co ở châu Á³.

1. Kéo co là nghi lễ hay trò chơi?

Tên gọi “nghi lễ và trò chơi kéo co” (tiếng Anh là “tugging rituals and games”) chính là một cách thức để nhấn mạnh: kéo co sở hữu đồng thời các đặc trưng chung của nghi lễ và trò chơi. Đây chính là điểm độc đáo nhất của kéo co ở các nước châu Á. Nói cách khác, kéo co là một nghi lễ nhưng có các đặc tính của trò chơi, hay là một trò chơi nhưng mang yếu tố của nghi lễ. Từ góc độ nhất định, kéo co có thể được coi như trò chơi, do tính chất cạnh tranh và giải trí của nó trong việc hai đội cố gắng kéo sợi dây về phía đội mình để giành phần thắng. Tuy nhiên, giành chiến thắng qua cuộc thi không phải là ý nghĩa thực sự mà kéo co hướng đến. Mục đích cuối cùng là mong ước về sự phồn thịnh và đoàn kết cho các cộng đồng thực hành di sản. Cạnh tranh và thi đấu chỉ là phương tiện để đạt được những mục đích này, đó là một đời sống ấm no, an lành, một cộng đồng hài hòa và cố kết.

Các thuộc tính nghi lễ và trò chơi của kéo co có thể biểu lộ ở các chiều kích lịch đại hoặc đồng đại và ý nghĩa đa chiều này có thể đồng tồn tại hoặc tách riêng phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể. Ở nhiều

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

lễ hội kéo co, tính thiêng và tính thể tục cùng hòa vào nhau. Ví dụ: bên cạnh những quy tắc, kiêng kỵ, các dấu hiệu và ý nghĩa biểu tượng thì kéo co mang đậm những yếu tố của một trò chơi dân gian vui khỏe, đầy phần chấn và thích thú. Trong xã hội hiện đại, nhiều thực hành kéo co đã được hội nhập vào các sự kiện, lễ hội văn hóa như một trò chơi dân gian hay một hoạt động rèn luyện thể chất, mà không chỉ giới hạn nó như một trò diễn - nghi lễ. Kéo co có thể là một hoạt động chính, mang ý nghĩa thiêng của một số lễ hội, hoặc tồn tại như một trong những hoạt động vui chơi, giải trí trong các sự kiện, lễ hội khác.

Đối với các quốc gia đã tham gia hồ sơ để cử đại quốc gia về kéo co, cụ thể là trường hợp của Hàn Quốc, các nhà nghiên cứu cho rằng, có hai giả thuyết về nguồn gốc của thực hành này. Theo giả thuyết thứ nhất, kéo co được ra đời như một trò chơi, xuất phát từ các hoạt động sản xuất hay nhằm mô phỏng những chi tiết của cuộc sống đời thường. Trải qua thời gian, ý nghĩa nghi lễ của kéo co mới được bổ sung và phát triển. Ví dụ, theo các tư liệu khảo sát, "kéo co cua" ở Samcheok, Hàn Quốc (Samcheok Gijuldarigi) được cho là đã ra đời từ năm 1660, khi vị quan tòa Heo Mok (1595 - 1682) khởi xướng ra trò chơi như một cách thức quyết định số lao động mà mỗi làng cần đóng góp để xây đập giữ nước. Dần dần, kéo co Samcheok đã phát triển lên thành lễ hội rằm tháng Giêng hằng năm, nhằm xua đuổi những linh hồn xấu và thỉnh cầu sự may mắn. Dây kéo được làm từ rơm, có hình dáng như một con cua bò trên mặt đất. Người dân địa phương quan niệm rằng, con cua là một sinh vật biểu tượng cho sự thanh trừng tội lỗi. Ngoài ra, kéo co ở Samcheok còn mang ý nghĩa dự đoán kết quả mùa vụ (bao gồm trồng cấy hay đánh bắt hải sản) và cầu mong cho sự ấm no. Sông Osipcheon chia cư dân địa phương thành hai phần: phần đất liền thuộc đội Malgok, phần ven biển thuộc đội Bunae. Đội đất liền được phân công làm dây kéo co đục và đội ven biển làm dây kéo co cái. Sự hợp nhất của hai sợi dây này mang ý nghĩa phồn thực, hàm ý về sự sinh sôi nảy nở và chiến thắng của đội nào cũng được coi là điềm lành cho mùa vụ. Đối lập với giả thuyết thứ nhất, giả thuyết thứ hai cho rằng, kéo co được xuất phát khởi thủy như một hành động nghi

lễ, nhằm cầu cúng các lực lượng siêu nhiên phù hộ cho sự phồn thịnh của mùa màng, trong khi các thuộc tính trò chơi có thể được phát triển muộn hơn. Một trong những đặc điểm nổi bật của các lễ hội kéo co là ý nghĩa cầu mùa và sự phổ biến của thực hành ở các cộng đồng trồng lúa. Thực hành ở ba nước Hàn Quốc, Campuchia và Philippin cung cấp những chứng cứ cho tranh luận này: ví dụ, dây kéo được coi như con rồng hay con rắn, hành động kéo co giữa hai đội tương tự như sự giao thoa giữa nam và nữ, chiến thắng cho đội nữ hay bất cứ đội nào, được tin là sẽ đem lại sự tốt lành cho mùa vụ.

Nằm trong giả thuyết về nguồn gốc nghi lễ của kéo co còn tồn tại một tranh luận cho rằng, kéo co được ra đời từ đạo Hindu, Ấn Độ, sau đó mới du nhập vào các nước như Hàn Quốc, Campuchia. Quan điểm này nhấn mạnh rằng, yếu tố căn bản cho sự hình thành và truyền bá kéo co là thông qua sự phổ biến của tôn giáo. Một trong những chứng cứ đầu tiên của tranh luận này là huyền thoại "khuấy biển sữa" (The Churning of the Milk Ocean), một huyền thoại phổ biến trong văn hóa Hindu về việc kéo co giữa các vị thần và quỷ dữ để tìm lại những báu vật đã mất, trong đó có bình chứa nước trường sinh bất tử (Nectar of Immortality). Theo giả thuyết này, kéo co được phát triển ở Ấn Độ và truyền bá tới các nước Đông Nam Á như một hành động của thực hành tôn giáo. Một số nhà nghiên cứu Hàn Quốc cho rằng, kéo co đã du nhập vào bán đảo Hàn Quốc dưới triều đại Goryeo (918 - 1392) vào thời kỳ cực thịnh của Mật tông. Sự lan truyền của kéo co từ Ấn Độ đến bán đảo Hàn Quốc là nhờ vào các dòng hải lưu và việc giao thương gắn với các dòng chảy này đã dẫn đến thực hành kéo co được truyền bá, bắt nguồn từ văn hóa Hindu ở Ấn Độ, đến Trung Quốc vào thời nhà Đường (Tang China (618 - 907)), rồi đến quần đảo Kyushu và Okinawa của Nhật và cuối cùng là đến bán đảo Hàn Quốc. Có lẽ vì thế, nghi lễ và trò chơi kéo co ở Hàn Quốc được tập trung nhiều ở các khu vực ven biển, nơi kết nối các dòng chảy của sông và đại dương. Còn ở Campuchia, thần thoại "khuấy biển sữa" vẫn còn được lưu giữ trên bức phù điêu ở di tích Angkor Wat, biểu tượng về kiến trúc trong tất cả các đền đài của thời kỳ Ăngkor. Ở cổng thành của Angkor Thom được xây dựng vào cuối thế kỷ XII, vẫn còn

hình tượng của các vị thần nâng Naga (trong hình dạng của một con rắn nhiều đầu) ở tư thế kéo co, mô phỏng hành động “khuấy biển sữa”. Các nhà nghiên cứu Campuchia cho rằng, nghi lễ và trò chơi kéo co ở Campuchia có thể là sự hội nhập giữa huyền thoại của Ấn Độ với các lễ nghi nông nghiệp và nhu cầu của địa phương trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa. Trò kéo co trong nghi lễ cầu mưa Teanh prot mang ý nghĩa về sự tái tạo và tái thiết của chu trình thời gian và mùa vụ, có ý nghĩa tương đồng với huyền thoại Hindu về khuấy biển sữa. Việc lấy được nước trường sinh bất tử, nguồn nước có thể khôi phục sự sống và trường thọ cũng tương tự như việc cầu mưa cho trồng trọt.

Cần chú ý thêm là, các thành tố nổi bật của kéo co như là nghi lễ và trò chơi không phải là những thành tố cố định, mà là một tiến trình đầy năng động và có thể thay đổi. Trên thực tế, trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, nhiều thực hành kéo co truyền thống ở Hàn Quốc và Campuchia cũng đã bị mai một và mất đi. Tương tự như Việt Nam, cả ba nước Hàn Quốc, Campuchia, Philippin đã phải trải qua



Lễ hội kéo co Gijisi Juldarigi ở thành phố Dangjin, tỉnh Nam Chungcheong, Hàn Quốc -

Ảnh: Tác giả cung cấp

những biến cố, như: nạn xâm lăng từ nước ngoài, nội chiến và tiến trình hiện đại hóa. Ví dụ ở Hàn Quốc, trải qua các thời kỳ như: đế quốc Nhật chiếm đóng (1910 - 1945), chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953)⁴ và tiến trình công nghiệp hóa, Tây Âu hóa, đã dẫn đến sự mai một của nhiều giá trị truyền thống. Một trong những hệ quả là các yếu tính nghi lễ của kéo co có xu hướng phai nhạt đi, trong khi các yếu tố giải trí đã phát triển nhanh chóng. Ghi

chép cho thấy, kéo co ở Hàn Quốc đã trở thành một trò chơi phổ biến trong các ngày hội của các trường đại học và chuyển đổi thành nhiều lễ hội văn hóa dân gian quy mô lớn, phát triển mạnh nhất vào những năm 1980, điển hình là lễ hội kéo co Gijisi và lễ hội văn hóa dân gian Samil.

2. Phác thảo về kéo co ở ba nước

2.1. Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Hàn Quốc

Theo công trình khảo cứu *Trò chơi dân gian thời vương triều Joseon (The Folk Entertainment of Joseon)*, xuất bản năm 1941, kéo co được thực hành ở 161 địa điểm trên toàn quốc. Cũng theo nghiên cứu này, từ những năm 1930, nghi lễ và trò chơi kéo co diễn ra không đồng đều ở vùng trung tâm và phía Nam của Hàn Quốc, bao gồm các khu vực Chungcheong, Gyeongsang và Jeolla. Kéo co được thực hiện vào các thời điểm khác nhau, trong dịp Chuseok (tết Trung thu), vào mùa hè và tại các lễ hội, nhưng vào dịp Daeboreum (tức ngày trăng tròn đầu tiên của năm hay rằm tháng Giêng) là thời điểm chính diễn ra nghi lễ và trò chơi kéo co.

Ở Hàn Quốc, kéo co thường được gọi là *juldarigi*, nhưng còn được gọi là *juldanggigi*, *jultaenggigi*, *julkketgi*, và *juksaum* tùy vào khu vực. Dây kéo thường được làm từ rơm và có nhiều loại dây, như: dây đơn, dây kép và dây hình con cua. Tre và vỏ cây có thể được dùng để củng cố độ chắc chắn của sợi dây.

Dù được thực hành ở khắp đất nước, nhưng các khu vực phía Bắc và trung tâm Hàn Quốc, đặc biệt là các địa phương có nghề trồng trọt lâu đời và các vùng ven biển thường thực hành kéo co nhiều nhất, như các tỉnh phía Nam và trung tâm của Chungcheong, Gyeongsang và Jeolla. Thời điểm tiến hành kéo co thường là các kỳ nghỉ theo mùa như Baekjung và Chuseok, các lễ hội và sự kiện mang tính giải trí, và các dịp đặc biệt như khi hạn hán hoặc dịch bệnh bùng phát. Mặc dù vậy, ngày rằm tháng Giêng là thời điểm kéo co được thực hành phổ biến nhất.

Thông thường, kéo co ở Hàn Quốc không hạn chế về số lượng, độ tuổi và giới tính của người tham gia. Đây là điều kiện quan trọng để kích cỡ và độ dài của dây kéo được tăng lên qua thời gian. Điều này cũng gắn với sự cải thiện về mức sống và mối quan tâm của người dân. Cho đến nay, nhiều lễ hội

kéo co của Hàn Quốc có thể thu hút đến hàng trăm hoặc hàng nghìn người cùng tham gia.

Lễ hội kéo co Gijisi ở thành phố Dangjin, tỉnh Nam Chungcheong của Hàn Quốc là một ví dụ cụ thể. Trước đây, kéo co Gijisi (*Gijisi Juldarigi*) chỉ diễn ra vào năm nhuận⁵ và có quy mô nhỏ, đến cuối những năm 1930, mới bắt đầu có quy mô lớn hơn. Sau khi bị gián đoạn khoảng 20 năm trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng (1910 - 1945) và Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), thực hành kéo co đã được tái sinh vào những năm 1960 và sau đó được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 1982. Hiện nay, lễ hội kéo co Gijisi đã trở thành một sự kiện hàng năm. Và, để thúc đẩy sự tham dự của cộng đồng, thời gian tổ chức lễ hội đã chuyển từ 15 tháng Giêng, sang lịch cố định là từ thứ 5 đến chủ nhật của tuần thứ hai trong tháng 4. Trong quy trình của sự kiện 4 ngày: Ngày thứ nhất, diễn ra nghi lễ thông báo với các vị thần địa phương về việc bắt đầu lễ hội; trong hai ngày tiếp theo, một loạt các hoạt động được tổ chức, như cuộc thi cho dàn nhạc của những người nông dân, các trò chơi và biểu diễn nghệ thuật truyền thống. Đặc biệt, ngày cuối cùng được dành toàn bộ cho việc kéo co.

Thực hành kéo co nhìn chung là một đặc trưng nổi bật của các cộng đồng nông nghiệp, tuy nhiên, Gijisi là một địa bàn có nền kinh tế thương nghiệp phát triển⁶. Những thương nhân ở chợ, ngư dân từ các cảng biển cùng với nông dân địa phương đã tham gia vào việc làm dây kéo co và thực hiện kéo co như một mong ước cho sự phồn thịnh và may mắn.

Dây kéo cho Gijisi *Juldarigi* hiện nay rất lớn, dài khoảng 200m, đường kính hơn 01m và nặng khoảng 40 tấn, sợi dây được làm thủ công bằng rơm, hoàn thành trong vòng 1 tháng.

Bộ phận chính của dây kéo là thân dây, được tạo thành từ dây đực (nam) và dây cái (nữ), hai dây này được mỗi đội làm riêng. Trước hết, người dân tiến hành một nghi lễ để lỏng và ghim hai đầu dây uốn hình tròn vào nhau bằng một khúc gỗ. Sự hợp nhất của dây đực và dây cái mang một ý nghĩa phồn thực. Để mọi người có thể kéo co và tham dự tối đa, các dây kéo mỏng hơn và nhỏ hơn được cột vào thân dây chính. Ngoài thân dây chính, có tất cả năm

dây cánh tay hay là gyeotjul, được dính vào thân dây ở phần giữa, với khoảng 2000 dây con được cột vào dây cánh tay để kéo, gọi là jeotjul. Trước kia, chỉ có thân dây và dây cánh tay được Ban tổ chức kéo co làm, trong khi các tiểu khu vực tham gia tự làm dây con riêng của họ và mang đến cuộc chơi, nhưng hiện nay, Ban tổ chức kéo co đã làm toàn bộ dây kéo.

Khi hai sợi dây đã được kết hợp vào nhau, việc chuẩn bị cho kéo co được hoàn tất. Người chơi của đội phía trên nguồn nước và phía dưới nguồn nước nắm vào các dây con để sẵn sàng cuộc chơi. Với khoảng 2000 dây con, mỗi một dây con có thể được kéo bởi 2 - 3 người, ước tính khoảng 5000 người, không giới hạn về tuổi tác, giới tính, đều có thể tham gia vào kéo co. Đây là trò chơi của sự chiến thắng cho tất cả mọi người, chứ không chỉ của riêng đội nào. Nếu như đội phía trên nguồn nước thắng thì đất nước an bình, còn nếu như đội phía dưới nguồn nước thắng thì cũng được xem là dấu hiệu cho mùa vụ bội thu. Khi trò chơi kết thúc, một số người chơi cắt sợi dây đem về nhà. Người ta tin rằng, những mẩu dây này sẽ đem đến may mắn cho những người phụ nữ muốn có con trai, có thể dùng để chữa đau lưng hay đun lên làm trà uống, hoặc treo ở trong nhà, bởi nó có thể mang lại sự bình yên trong gia đình cũng như đảm bảo cho mùa vụ tốt đẹp.

2.2. Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Campuchia

Kéo co của Campuchia được biết đến dưới cái tên là teach prot, nghĩa đen là: kéo một sợi dây được bện từ da trâu hoặc bò. Tên gọi này cho thấy, trong quá khứ, sợi dây kéo co đã từng được làm bằng da động vật, nhưng hiện nay, người dân thường dùng dây rừng, dây được làm từ cuống lá cọ bện lại hoặc các loại dây bằng nylon mua ở chợ. Các cộng đồng thực hành kéo co gồm có làng Chres, làng Kambor Or và làng Throl Trong, đây là các làng làm nông nghiệp nằm quanh hồ Lớn của biển Hồ Tonle Sap. Teanh prot được thực hiện như một hoạt động trong lễ mừng năm mới và Chlong chet. Ở Campuchia, năm mới bắt đầu vào tháng 4 và kéo co diễn ra vào ngày cuối cùng trong ba ngày của lễ mừng năm mới. Lễ mừng năm mới được tiếp nối bằng lễ chlong chet và kéo co cũng được tổ chức trong dịp này. Chlong chet nghĩa là "vượt qua năm cũ để đến năm mới". Lễ Chlong chet được coi

như một hành động thỉnh cầu các vị thần địa phương bảo hộ cho cây trồng, tránh các thiên tai dịch bệnh để có được mùa vụ bội thu.

Vào dịp lễ mừng năm mới và/hoặc là lễ chlong chet, hội đồng bộ lão của thiền viện Phật giáo hay miếu thờ ở làng thường chịu trách nhiệm chuẩn bị sợi dây kéo, đường kính khoảng 1 nửa cổ tay... Kéo co thường được tiến hành bởi phụ nữ và nam giới từ 25 - 60 tuổi. Mỗi đội thường có từ 10 đến 50 người. Một hoặc hai bậc lão niên được lựa chọn hay tự nguyện đứng ra làm trọng tài, thông thường bao gồm một người đàn ông và một phụ nữ đại diện cho mỗi một đội.

Một đường kẻ được vạch ở giữa sợi dây và cột bằng một dải màu để đánh dấu. Khi một đội kéo được đội kia về phía của mình thì họ thắng cuộc. Kết thúc cuộc chơi, sợi dây sẽ được một nhà sư cắt làm đôi, hoặc sợi dây bị phá hủy trong quá trình kéo. Lễ thức này được gọi là phdach prot, biểu tượng cho sự kết thúc của chu kỳ thời gian cũ và sự bắt đầu của một chu kỳ thời gian mới. Đặc biệt, theo tục lệ, đội chiến thắng sẽ được phép chạy đuổi, chèn người lên thành viên của đội thua cuộc. Hành động này thông thường không được phép nhưng lại được diễn ra trong nghi lễ và mang ý nghĩa biểu tượng, thể hiện tính phần thực và cũng được diễn ra phổ biến ở các nghi lễ cầu mưa khác.

Trò chơi kéo co của người Campuchia vì vậy, được xuất phát từ truyền thống hàng nghìn năm của các cộng đồng nông nghiệp, đồng thời, thể hiện sự kế thừa các ý nghĩa biểu tượng về tôn giáo, cụ thể là sự hội nhập của huyền thoại Ấn Độ về "khuấy biển sữa" với các nghi lễ nông nghiệp và nhu cầu địa phương. Thực hiện khuấy biển sữa thông qua teanh prot - biểu tượng cho sự khám phá các báu vật đã mất, biểu trưng cho sự tái tạo và tái thiết của chu trình năm mới với một trật tự hoàn hảo.

2.3. Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Philippin

Ở Philippin, việc thực hành kéo co diễn ra sau vụ thu hoạch hàng năm và được gọi tên là punnuk. Punnuk được ba cộng đồng Hapap, Baang và Nun-gulunan ở thị trấn Hungduan, tỉnh Ifugao, miền Bắc Luzon, Philippin thực hiện. Khu vực này nằm trên dãy núi Cordillera, có độ cao từ 2000 - 3000m so với mực nước biển. Kéo co được diễn ra ở điểm

hợp lưu của các nhánh sông Hapao, được tiến hành trên sông và những người tham gia đội kéo co đứng ngang dòng nước chảy. Xung quanh là các sườn núi đã được khai khẩn thành những thửa ruộng bậc thang rộng ngút ngàn. Người dân Philippin quan niệm rằng, kéo co ở trên sông là để những khó khăn, vất vả sẽ cuốn theo dòng nước và đánh dấu một sự khởi đầu mới. Một điều cũng không kém phần độc đáo là sợi dây kéo co được mô phỏng theo hình dáng của một con người. Vật liệu chính để làm dây kéo co là rơm và cây attoba. Từ những vật liệu này làm ra kina-ag và pakid. Kina-ag là một hình nộm có hình dáng con người, được bện bằng rơm khô và buộc lại với nhau bằng cuống của dây tinaspora. Pakid là các thân cây attoba non, có móc ở phần gốc, để những người tham gia ngoắc vào nộm rơm kina-ag, nắm lấy và kéo ở hai phía ngược nhau. Độ dài của pakid thường là 5m, với đường kính thân cây khoảng 10cm. Kéo co như một phần cuối cùng của lễ hội, kết thúc mùa thu hoạch (được gọi là houwah), để cảm tạ thần linh đã cho vụ mùa bội thu và cầu mong sự phồn thịnh cho vụ mùa tiếp theo. Thành viên tham gia kéo co là đàn ông, nhưng toàn thể cộng đồng đều có thể cùng tham gia vào trong suốt tiến trình của kéo co. Gia đình đứng đầu (được lựa chọn từ các gia đình có nhiều ruộng bậc thang cổ nhất trong khu vực và có địa vị xã hội) đứng ra tài trợ cho kéo co, và lễ thức được thực hiện bởi các thầy cúng. Nam giới ở các cộng đồng chịu trách nhiệm chuẩn bị các vật liệu quan trọng để kéo co. Những người dân còn lại trong cộng đồng (gồm phụ nữ, trẻ em) mặc trang phục truyền thống, vẫy lá dong-ah màu đỏ, cùng diễu hành đến bên sông và cổ vũ cho đội kéo co thuộc làng mình. Đội thắng cuộc tin rằng, sẽ được hưởng một mùa vụ no ấm và thóc lúa đầy bồ suốt thời gian còn lại trong năm.

Lời kết

Khảo lược về nghi lễ và trò chơi kéo co ở ba nước Hàn Quốc, Campuchia và Philippin để góp phần điểm lại sự tương đồng và dị biệt của nghi lễ và trò chơi kéo co ở ba nước. Sự đa dạng này được thể hiện bằng tên gọi, thời điểm tiến hành, người tham dự, vật liệu kéo, các địa điểm tổ chức và ý nghĩa của kéo co. Bên cạnh những nét riêng, còn có những đặc điểm chung nổi bật được chia sẻ ở các

cộng đồng thực hành di sản ở ba nước. Ví dụ như, thời điểm phổ biến diễn ra kéo co thường bắt đầu hoặc kết thúc một chu trình nông nghiệp hay sản xuất, với mục đích cầu mùa, cầu sự phồn thịnh và an lành cho các cộng đồng thực hành kéo co. Đây là một tiến trình mà qua đó các thành viên của cộng đồng củng cố sự cố kết và biểu đạt những ước nguyện cho sự an bình và no ấm, thông qua một trò chơi đầy tinh thần đồng đội và sự phấn khích, vui vẻ./.

Đ.T.T.T

Chú thích:

- 1- Xem thêm thông tin tại đường link: <http://www.games-museum.uwaterloo.ca/VirtualExhibits/Inuit/english/tug.html>
- 2- Đây là các quốc gia đã tham gia vào hồ sơ đa quốc gia “Nghi lễ và trò chơi kéo co” cùng với Việt Nam và được UNESCO ghi nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2015.
- 3- Các thông tin trong bài viết này được tổng hợp phần lớn từ các nghiên cứu trong cuốn *JULDARIGI Tugging Rituals and Games in Korea and Three Other Southeast Asian Countries*, Nxb. Korea Cultural Heritage Foundation, 2015, Seoul.
- 4- Đọc thêm [<http://vov.vn/the-gioi/ho-so/nhin-lai-cuoc-chien-tranh-trieu-tien-khoc-liet-252326.vov>]
- 5- Tức là năm có 366 ngày, cứ 4 năm thì có 1 năm nhuận.
- 6- Cái tên Gijisi có nghĩa là “một ngôi làng với một khung cửi, ao và chợ”. Đáng chú ý là làng đã có tiếng như một cái chợ phồn thịnh cho đến tận những năm 1910, buôn bán những sản phẩm đến từ đồng ruộng và biển cả, gồm có muối, hải sản. Hàng hóa từ Gijisi được vận chuyển thông qua các cảng biển bên cạnh đó đến các khu vực phía bắc đất nước như Suwon, Incheon và Seoul.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Các tham luận tại hội thảo quốc tế về Bảo vệ nghi lễ và trò chơi Kéo co ở châu Á, do Trung tâm Thông tin và Mạng lưới quốc tế về Di sản văn hóa phi vật thể Khu vực châu Á-Thái Bình Dương dưới sự bảo trợ của UNESCO (ICHCAP), Cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc và chính quyền thành phố Dangjin, Hàn Quốc tổ chức từ ngày 9/4/2015 - 12/4/2015 tại thành phố Dangjin, Hàn Quốc.
- 2- Cirlot, Eduardo, *A Dictionary of Symbols* (biên tập lần 2) Trans. Jack Sage. Bams & Noble, 1971, New York.
- 3- Korea Cultural Heritage Foundation, *JULDARIGI Tugging Rituals and Games in Korea and Three Other Southeast Asian Countries*, Nxb. Korea Cultural Heritage Foundation, 2015, Seoul.